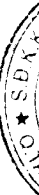


**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

MỤC LỤC	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301448324 ngày 24 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 5, ngày cấp 30/11/2015.

Công ty được thành lập ban đầu là Xí nghiệp Công trình đô thị Gò Vấp theo Quyết định 6078/QĐ-UB-KT ngày 29/10/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau đó chuyển đổi thành Công ty Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp theo Quyết định số 2536 ngày 09/06/2010 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ 30.011.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 179A Dương Quang Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 39853219

Fax: 028 39853220

Email: contract@cigova.com

Website: cigova.vn

Mã số thuế: 0301448324

Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng thành viên:

	Chức vụ
- Ông Ngô Hệ Chính	Chủ tịch
- Ông Võ Quang Sơn	Thành viên
- Ông Bùi Minh Quang	Thành viên

Kiểm soát viên

- Ông Đỗ Văn Mạnh	Kiểm soát viên
-------------------	----------------

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:

	Chức vụ	
- Ông Võ Quang Sơn	Giám đốc	
- Ông Nguyễn Hữu Huy	Phó Giám đốc	
- Ông Phan Xuân Thiện	Phó Giám đốc	
- Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm 26/3/2018
- Ông Lê Thành Tín	Kế toán trưởng	

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 28/12/2018 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 6213/QĐ-UBND về kế hoạch cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND TPHCM giai đoạn 2018-2010. Thực hiện theo Quyết định này, Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định về cổ phần hóa trong năm 2019.

Trừ vấn đề nêu trên, không có bất kỳ một nghiệp vụ hay sự kiện nào bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả sản xuất kinh doanh của năm tài chính hiện hành.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh

- Quét rọn, thu gom rác và công trình;
- Duy tu bảo dưỡng công trình giao thông;
- Quản lý bảo dưỡng và cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý
- Xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Sửa chữa nhà và trang trí nội thất;
- Sửa chữa, duy tu, đào đắp các công trình, san lấp mặt bằng;
- Dịch vụ vệ sinh đô thị (Hút hầm cầu, phá dỡ và dọn dẹp công trình), mai táng, tư vấn nhà đất
- Thi công sân vườn non bộ, nội ngoại thất công trình;
- Thi công công trình thủy lợi quy mô nhỏ, hệ thống cấp nước;
-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Võ Quang Sơn
Giám đốc



"Mang đến niềm tin"

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG

01 Núi Thành, P. 13, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3813 2259 – Fax: (028) 3813 2258

Homepage: www.pacificaudit.com.vn

E-mail: pacificaudit@gmail.com

Số 04 /2019/BCKITTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp, được lập ngày 29 tháng 01 năm 2019, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận nợ của các khoản nợ phải thu, phải trả. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác định tính hiện hữu và giá trị của các khoản số dư này.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề khác

Công ty đang tạm trích quỹ tiền lương năm 2018 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông báo số 4731/ TB-UBND ngày 20 tháng 09 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận Gò Vấp. Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền quỹ tiền lương thực hiện năm 2018.

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 có dạng ý kiến ngoại trừ liên quan đến quỹ tiền lương thực hiện của Công ty chưa được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Quỹ lương năm 2017 nêu trên đã được phê duyệt trong năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2019

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thành Đức

Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2018-196-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2015-196-1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2018	TẠI NGÀY 01/01/2018
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.456.957.527	65.551.313.623
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		65.100.267.326	37.816.234.562
1. Tiền	111	V.01	31.507.678.316	11.304.783.434
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.592.589.010	26.511.451.128
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.226.639.421	25.030.850.493
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	17.315.088.525	22.679.976.178
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	61.000.000	2.845.250.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	2.384.344.567	2.039.417.986
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	V.05	(2.533.793.671)	(2.533.793.671)
IV. Hàng tồn kho	140		2.130.050.780	2.704.228.568
1. Hàng tồn kho	141	V.06	2.130.050.780	2.704.228.568
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.431.898.763	42.900.052.692
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		81.616.458	81.616.458
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	81.616.458	81.616.458
II. Tài sản cố định	220		44.512.844.262	37.859.630.545
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	44.512.844.262	37.859.630.545
Nguyên giá	222		75.398.059.022	64.014.235.999
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.885.214.760)	(26.154.605.454)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	-	-
Nguyên giá	228		36.000.000	36.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.000.000)	(36.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	2.844.675.114	3.371.534.693
Nguyên giá	231		4.895.719.436	5.934.985.034
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.051.044.322)	(2.563.450.341)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.293.041.542
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	-	1.293.041.542
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		992.762.929	294.229.454
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	992.762.929	294.229.454
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		132.888.856.290	108.451.366.315

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2018	TẠI NGÀY 01/01/2018
C- NỢ PHẢI TRẢ	300	87.657.342.162	72.984.991.371
I. Nợ ngắn hạn	310	81.920.587.704	64.328.564.913
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 V.12	9.511.403.856	975.766.790
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 V.13	3.398.949.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 V.14	7.162.906.668	2.774.912.935
4. Phải trả người lao động	314 V.15	35.825.250.836	20.335.105.709
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 V.16	16.256.377	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319 V.17a	10.905.647.712	16.867.827.664
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 V.20a	6.821.474.700	10.106.404.358
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322 V.18	8.278.698.555	13.268.547.457
II. Nợ dài hạn	330	5.736.754.458	8.656.426.458
1. Phải trả dài hạn khác	337 V.17b	1.270.116.458	2.542.616.458
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 V.20b	3.195.638.000	5.252.810.000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343 V.19	1.271.000.000	861.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	45.231.514.128	35.466.374.944
I. Vốn chủ sở hữu	410	41.658.937.446	31.366.938.683
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	30.013.180.504	30.013.180.504
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	1.353.758.179	1.353.758.179
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	10.291.998.763	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	10.291.998.763	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	3.572.576.682	4.099.436.261
1. Nguồn kinh phí	431	727.901.568	727.901.568
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432	2.844.675.114	3.371.534.693
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	132.888.856.290	108.451.366.315

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

Ngày 29 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Huỳnh Mỹ Phương

Lê Thành Tín



Võ Quang Sơn

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	142.288.990.370	145.164.485.678
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		142.288.990.370	145.164.485.678
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	119.877.818.709	125.324.705.525
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.411.171.661	19.839.780.153
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	903.177.635	987.400.250
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	988.852.785	629.845.654
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		988.852.785	629.845.654
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	11.681.777.099	11.042.915.948
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.643.719.412	9.154.418.801
11. Thu nhập khác	31	VI.06	2.530.625.118	1.089.572.690
12. Chi phí khác	32	VI.07	59.055.190	79.594.711
13. Lợi nhuận khác	40		2.471.569.928	1.009.977.979
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.115.289.340	10.164.396.780
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	2.634.868.906	2.039.778.601
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.480.420.434	8.124.618.179
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

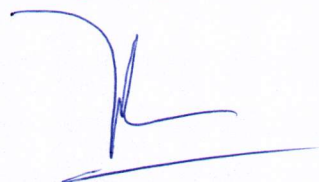
Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Võ Quang Sơn

Huỳnh Mỹ Phương

Lê Thành Tín

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ THUYẾT SỐ MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I- Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	13.115.289.340	10.019.870.385
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.218.203.287	2.374.783.016
- Các khoản dự phòng	03	(2.533.793.671)	(421.063.593)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực h	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(903.177.635)	(987.400.250)
- Chi phí lãi vay	06	988.852.785	629.845.654
- Các khoản điều chỉnh khác	07	410.000.000	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	15.295.374.106	11.616.035.212
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.938.379.677	787.317.725
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	574.177.788	(1.709.569.972)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	24.717.382.828	7.866.831.456
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	698.533.475	7.414.977
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(988.852.785)	(629.845.654)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.482.892.267)	(2.381.262.748)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	(726.093.981)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(5.212.270.573)	(5.080.841.905)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	41.813.738.268	10.476.079.091
II- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(10.090.781.481)	(9.152.313.730)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	130.454.546
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	903.177.635	779.161.616
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.187.603.846)	(8.242.697.568)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15.641.092.389	14.773.622.328
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(20.983.194.047)	(9.343.980.630)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.342.101.658)	5.429.641.698
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	27.284.032.764	7.663.023.222
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	37.816.234.562	30.153.211.340
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	65.100.267.326	37.816.234.562

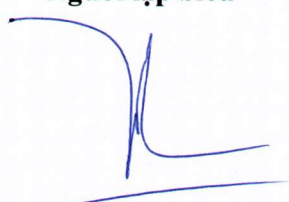
Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Huỳnh Mỹ Phương

Lê Thành Tín

Võ Quang Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301448324 ngày 24 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 5, ngày cấp 30/11/2015.

Công ty được thành lập ban đầu là Xí nghiệp Công trình đô thị Gò Vấp theo Quyết định 6078/QĐ-UB-KT ngày 29/10/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau đó chuyển đổi thành Công ty Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp theo Quyết định số 2536 ngày 09/06/2010 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 30.011.000.000 VND

Trụ sở đặt tại: Số 179A Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công cộng, xây dựng,...

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Quét dọn, thu gom rác và công trình;
- Duy tu bảo dưỡng công trình giao thông;
- Quản lý bảo dưỡng và cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý
- Xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Sửa chữa nhà và trang trí nội thất;
- Sửa chữa, duy tu, đào đắp các công trình, san lấp mặt bằng;
- Dịch vụ vệ sinh đô thị (Hút hầm cầu, phá dỡ và dọn dẹp công trình), mai táng, tư vấn nhà đất
- Thi công sân vườn non bộ, nội ngoại thất công trình;
- Thi công công trình thủy lợi quy mô nhỏ, hệ thống cấp nước;

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức số kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho (tiếp theo)

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt tại quỹ	164.671.621	248.479.117
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	164.671.621	248.479.117
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	31.343.006.695	11.056.304.317
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	30.901.424.133	8.920.200.459
- Ngân hàng Công thương - Chung cư	69.201.037	1.911.073.543
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển NT Việt Nam	2.890.802	3.541.402
- Ngân hàng TMCP An Bình	22.112.830	101.684.022
- Ngân hàng TMCP Phát triển HCM	1.197.440	1.353.469
- Ngân hàng TMCP Nam Á	1.660.964	95.552.853
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	22.081.608	22.898.569
- Ngân hàng TMCP Đông Phương	303.051.493	-
- Ngân hàng Đầu tư phát triển BIDV	19.386.388	-
Các khoản tương đương tiền (*)	33.592.589.010	26.511.451.128
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	20.527.202.046	18.449.498.429
- Ngân hàng TMCP An Bình	2.000.000.000	7.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á	65.386.964	61.952.699
- Ngân hàng Đầu tư phát triển BIDV	11.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	1.000.000.000
Tổng cộng	65.100.267.326	37.816.234.562

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. Phải thu khách hàng	31/12/2018	01/01/2018
<i>a Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Công trình quận Gò Vấp	608.101.000	1.563.374.206
- Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát	1.519.693.780	1.519.693.780
- Phòng Tài nguyên Môi trường Quận Gò Vấp	10.830.682.203	4.612.341.883
- Phòng Tài chính Kế hoạch Quận Gò Vấp	2.490.931.825	3.406.768.293
- Ban quản lý đầu tư XD CT Quận Tân Phú	794.000	9.002.083.500
- Các khách hàng khác	1.864.885.717	2.575.714.516
Tổng cộng	17.315.088.525	22.679.976.178

Trong đó: Tại ngày 31/12/2017 các khoản phải thu đã trích lập dự phòng là: 2.533.793.671 đồng

3. Trả trước cho người bán	31/12/2018	01/01/2018
- Công ty CP Vận tải TM XD Công Nghiệp Đức Long	-	2.737.800.000
- Công ty TNHH Kiểm toán Thái Bình Dương	-	13.500.000
Công ty TNHH Thẩm Định Giá Chuẩn Việt	61.000.000	61.000.000
- Cty CP Kiểm Định Xây Dựng Sài Gòn	-	32.950.000
Tổng cộng	61.000.000	2.845.250.000

4. Các khoản phải thu khác	31/12/2018		01/01/2018	
<i>a Ngắn hạn</i>	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lãi tiền dự thu tiền gửi ngân hàng	209.748.609	-	263.148.273	-
Phải thu về cổ phần hóa	448.000.000	-	374.000.000	-
Phải thu đội vận chuyển	302.266.450	-	218.590.237	-
Phải thu đội môi trường	80.858.070	-	92.357.188	-
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	101.302.469	-	101.982.176	-
Phải thu công trình cải tạo, mở rộng trường trung học Kim Đồng	-	-	97.541.052	-
Ký quỹ Công ty TNHH Sài Gòn Coop Gò Vấp	30.000.000	-	30.000.000	-
Các khoản tạm ứng NV	1.048.610.104	-	796.099.061	-
Chi tạm ứng phí yêu cầu mở thủ tục phá sản Công ty Thương nghiệp Tổng hợp GV	10.000.000	-	10.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

4. Các khoản phải thu khác (tiếp theo)

a Ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng phí cho tòa án Q.Gò Vấp yêu cầu mở thủ tục phá sản Công ty Thương nghiệp Tổng hợp	10.686.000	-	20.000.000	-
Phí tư vấn thực hiện chuyển đổi Công ty	30.000.000	-	30.000.000	-
Tạm ứng cho VP Luật sự Nhật	5.000.000	-	5.000.000	-
Tạm nộp án phí khởi kiện Công ty CP ĐT&XD Tài Anh	3.058.000	-	-	-
Phải thu khác	104.814.865	-	700.000	-
Tổng cộng	2.384.344.567	-	2.039.417.987	-

b Dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Khoản phải thu tiền thuê chung cư của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	81.616.458	-	81.616.458	-
Tổng cộng	81.616.458	-	81.616.458	-

5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát	1.519.693.780	1.519.693.780
Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát Lộc	214.099.891	214.099.891
Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Gò Vấp	800.000.000	800.000.000
Tổng cộng	2.533.793.671	2.533.793.671

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

6. Hàng tồn kho	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang(*)	2.130.050.780	-	2.704.228.568	-
Tổng cộng	2.130.050.780	-	2.704.228.568	-

(*) Chi tiết các chi phí kinh doanh dở dang:	31/12/2018	01/01/2018
- Chi phí công tác bốc mộ	-	228.520.000
- Mở rộng nâng cấp đường Nguyễn Văn Dung	924.675.454	924.675.454
- Chống ngập Đường 1, Phường 4	740.590.318	-
- Chống ngập Đường Trần Bá Giao, Phường 5	461.785.008	-
- Chống ngập hẻm 80 Dương Quảng Hàm P5	3.000.000	-
- Xây dựng trường THCS Tôn Thất Tùng	-	1.480.876.316
- Công trình khác	-	70.156.798
Tổng cộng	2.130.050.780	2.704.228.568

7. Chi phí trả trước	01/01/2018	Phát sinh tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	31/12/2018
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	294.229.454	3.290.859.208	2.592.325.733	992.762.929
Tổng cộng	294.229.454	3.290.859.208	2.592.325.733	992.762.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá					-	
- Tại ngày 01/01/2018	22.892.927.006	317.792.045	40.428.881.948	374.635.000	-	64.014.235.999
- Tăng trong năm	1.598.095.752		9.785.727.271			11.383.823.023
<i>Mua sắm mới</i>						-
<i>Đầu tư XD/CB hoàn thành</i>						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Tại ngày 31/12/2018	24.491.022.758	317.792.045	50.214.609.219	374.635.000	-	75.398.059.022
Khấu hao lũy kế						
- Tại ngày 01/01/2018	6.243.459.504	83.307.356	19.495.846.901	331.991.693	-	26.154.605.454
- Khấu hao trong năm	864.560.273	95.326.576	3.748.613.057	22.109.400		4.730.609.306
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Tại ngày 31/12/2018	7.108.019.777	178.633.932	23.244.459.958	354.101.093	-	30.885.214.760
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2018	16.649.467.502	234.484.689	20.933.035.047	42.643.307	-	37.859.630.545
- Tại ngày 31/12/2018	17.383.002.981	139.158.113	26.970.149.261	20.533.907	-	44.512.844.262

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm:

<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>90.909.091</i>
<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>36.140.000</i>
<i>PTVTài, truyền dẫn</i>	<i>10.353.482.740</i>
<i>Dụng cụ quản lý</i>	<i>264.088.000</i>
<i>Tổng cộng</i>	<u><u>10.744.619.831</u></u>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: **11.001.776.593 đồng**

- Các tài sản trên gồm 4 xe ép rác biển số 51C-645.79, 51C-635.10, 51C-787.82, 51C-789.09 và 2 xe hút bụi đường biển số 51E-041.45, 51E-041.52 được thế chấp cho các khoản vay Quỹ Bảo vệ Môi Trường



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
- Tại ngày 01/01/2018				36.000.000		36.000.000
- Mua trong năm						
- Tại ngày 31/12/2018	-	-	-	36.000.000	-	36.000.000
Khấu hao lũy kế						
- Tại ngày 01/01/2018				36.000.000	-	36.000.000
- Khấu hao trong năm					-	-
- Tại ngày 31/12/2018	-	-	-	36.000.000	-	36.000.000
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2018						-
- Tại ngày 31/12/2018	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm toà nhà quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc sở hữu của Nhà nước đang giao cho Công ty quản lý và khai thác hộ Nhà nước. Trong đó, có một số căn hộ chung cư để phục vụ cho mục đích bán trả góp, hỗ trợ tái định cư. Công ty không tiến hành khấu hao các đối với các căn hộ này

Bất động sản tăng trong năm do nhà nước giao thêm để quản lý; giảm trong năm do bán theo quy định.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Tại ngày 01/01/2018	5.934.985.034	(2.563.450.341)	3.371.534.693
- Tăng trong năm	-	-	-
- Bán nhà trong năm	1.039.265.598	512.406.019	526.859.579
- Tại ngày 31/12/2018	4.895.719.436	(2.051.044.322)	2.844.675.114

11. Tài sản dở dang

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí XD CB dở dang				
Sửa chữa Công ty- Bãi đậu xe	-	-	542.676.436	542.676.436
Sửa chữa Công ty - Cải tạo văn phòng, bếp, nhà ăn	-	-	711.910.560	711.910.560
Mua TSCĐ (xe chở rác)	-	-	38.454.546	38.454.546
Tổng cộng	-	-	1.293.041.542	1.293.041.542

12. Phải trả người bán

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH MTV Đông Hải	1.082.894.365	1.082.894.365	975.766.790	975.766.790
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng	1.042.369.200	1.042.369.200	-	-
- Công ty TNHH TM Vận tải Nghiêm Minh	1.015.913.800	1.015.913.800	-	-
- Công ty TNHH TM DV XD Phú Mỹ	1.975.233.500	1.975.233.500	-	-
- Công ty TNHH SXTM Dịch vụ Sơn	1.530.540.000	1.530.540.000	-	-
- Công ty TNHH MTV XD DV TM Phát Trần	705.314.239	705.314.239	-	-
- Các khách hàng khác	2.159.138.752	2.159.138.752	-	-
Tổng cộng	9.511.403.856	9.511.403.856	975.766.790	975.766.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

13. Người mua trả tiền trước	31/12/2018	01/01/2018
- Ban QL ĐTXDCT Quận Gò Vấp	3.198.949.000	-
- Các UBND Phường	200.000.000	-
Tổng cộng	3.398.949.000	-

14. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
- Thuế GTGT	1.893.822.102	13.368.904.528	10.529.603.854	4.733.122.776
- Thuế TNDN	694.470.596	2.823.290.577	1.482.892.267	2.034.868.906
- Thuế TNCN	186.620.237	503.328.365	301.736.870	388.211.732
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.219.340.929	2.219.340.929	-
- Các loại thuế khác	-	16.555.190	16.555.190	-
- Các khoản phải nộp khác	-	6.703.254	-	6.703.254
Tổng cộng	2.774.912.935	18.938.122.843	14.550.129.110	7.162.906.668

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	31/12/2018	01/01/2018
Thuế GTGT	4.733.122.776	1.893.822.102
Thuế TNDN	2.034.868.906	694.470.596
Thuế TNCN	388.211.732	186.620.237
Các khoản phải nộp khác	6.703.254	-
Tổng cộng	7.162.906.668	2.774.912.935

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

Dịch vụ tang lễ, chăm sóc cây xanh	Không chịu thuế
Dịch vụ về vệ sinh, thoát nước đường phố, công viên và Các hoạt động khác	10%

Thuế TNDN

Xem thuyết minh IV.10 và V.14

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

15. Phải trả công nhân viên	31/12/2018	01/01/2018
- Lương viên chức quản lý	1.732.721.283	1.434.483.419
- Lương người lao động	34.092.529.553	18.900.622.290
Tổng cộng	35.825.250.836	20.335.105.709

Công ty đang tạm trích quỹ tiền lương năm 2018 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ (Thuyết minh số V12). Hiện Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền quỹ tiền lương thực hiện năm 2018.

	Năm nay	Năm trước
Quỹ lương thực hiện của viên chức quản lý	3.372.022.336	3.500.074.916
Quỹ lương thực hiện của người lao động	68.624.467.294	56.876.033.422
Tổng cộng	71.996.489.630	60.376.108.338

16. Chi phí phải trả	31/12/2018	01/01/2018
<i>Ngắn hạn</i>		
Chi phí lãi vay dự chi tính đến 31/12/2018	16.256.377	-
Tổng cộng	16.256.377	-

17. Phải trả khác	31/12/2018	01/01/2018
<i>a Phải trả ngắn hạn khác</i>		
- Kinh phí công đoàn	129.797.967	43.987.126
- Phòng Tài chính Quận Gò Vấp	9.080.000.000	-
- Phải trả ngân sách (tiền bán nhà chung cư)	992.701.644	1.094.025.791
- Các khoản phải hoàn thuế GTGT cho các đội	216.706.970	1.545.453.640
- Phải trả các đội thi công	-	11.288.168.146
- Phải trả ngân sách (quản lý hộ nhà ch/cư Khang Gia, An Sương)	43.411.110	2.812.000.961
- Tiền hỗ trợ đồng bào bão lụt	-	7.060.000
- Phí khử trùng của công tác bốc mộ	-	20.100.000
- Các khoản giữ bảo hành công trình	57.032.000	57.032.000
- Giữ xe Làng Hoa Gò Vấp	343.723.092	-
- Các khoản khác	42.274.929	-
Tổng cộng	10.905.647.712	16.867.827.664

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

17. Phải trả khác (tiếp theo)

<i>b Phải trả dài hạn khác</i>	31/12/2018	01/01/2018
- Phải trả lại tiền bán trả góp nhà Chung cư Quý đầu tư	81.616.458	81.616.458
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.188.500.000	2.461.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	1.200.000.000
+ Trường THPT Lý Thái Tổ	63.000.000	63.000.000
+ Công ty Cổ phần Ta Ca	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Các khách hàng khác	125.500.000	198.000.000
Tổng cộng	1.270.116.458	2.542.616.458

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	01/01/2018	Tăng	Giảm	31/12/2018
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.771.248.978	34.000.000	4.812.247.900	7.993.001.078
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	497.298.479	-	211.601.002	285.697.477
Tổng cộng	13.268.547.457	34.000.000	5.023.848.902	8.278.698.555

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.271.000.000	861.000.000
Tổng cộng	1.271.000.000	861.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

20. Vay và nợ thuê tài chính

a	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn ngân hàng	8.049.232.358	8.049.232.358	15.641.092.389	18.926.022.047	4.764.302.700	4.764.302.700
Ngân hàng TMCP Công thương VN- CN9 TP HCM (*)	8.049.232.358	8.049.232.358	15.641.092.389	18.926.022.047	4.764.302.700	4.764.302.700
- Nợ dài hạn đến hạn trả	2.057.172.000	2.057.172.000	2.057.172.000	2.057.172.000	2.057.172.000	2.057.172.000
Quỹ Bảo vệ Môi trường TPHCM (a)	2.057.172.000	2.057.172.000	2.057.172.000	2.057.172.000	2.057.172.000	2.057.172.000
Tổng cộng	10.106.404.358	10.106.404.358	17.698.264.389	20.983.194.047	6.821.474.700	6.821.474.700

(*) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 9 TP.HCM theo Hợp đồng vay số 17086029-HĐCVHM/NHCT928-CIGV ngày 18 tháng 05 năm 2017. Hạn mức vay: 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dịch vụ công cộng.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 17/086/068/HĐTC ngày 18 tháng 5 năm 2017 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 9 TP.HCM. Tài sản thế chấp là các quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế mà Công ty đã ký với đối tác và các hợp đồng kinh tế mà Công ty sẽ ký với các tổ chức cá nhân sau hợp đồng thế chấp nêu trên. Tổng giá trị: 25.000.000.000 đồng.

(a) Xem thuyết minh số IV.20b - Nợ dài hạn đến hạn trả Quỹ Bảo vệ môi trường TPHCM

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Quỹ Bảo vệ Môi trường TPHCM (**)	5.252.810.000	5.252.810.000	-	2.057.172.000	3.195.638.000	3.195.638.000
Tổng cộng	5.252.810.000	5.252.810.000	-	2.057.172.000	3.195.638.000	3.195.638.000

(**) Vay dài hạn từ Quỹ Bảo vệ Môi Trường theo 3 hợp đồng sau:

Vay dài hạn từ Quỹ Bảo vệ Môi Trường theo Hợp đồng tín dụng số 05-01/QBVMT-HĐTD ngày 29 tháng 5 năm 2015 với số tiền vay 4.084.850.000 đồng, mục đích vay là thực hiện dự án: "Đầu tư mua sắm 02 xe ép rác". Thời hạn vay là 5 năm. Lãi suất trong hạn là 4,8%/năm. Tài sản thế chấp là 02 chiếc xe ép rác biển số 51C-645.79 và 51C635.10, tổng giá trị tài sản thế chấp là: 5.835.500.000 đồng.

Vay dài hạn từ Quỹ Bảo vệ Môi Trường theo Hợp đồng tín dụng số 04-2016/HĐTD-QBVMT ngày 26 tháng 8 năm 2016 với số tiền vay 3.500.000.000 đồng, mục đích vay là thực hiện dự án: "Đầu tư mua sắm 02 xe ép rác". Thời hạn vay là 5 năm. Lãi suất trong hạn là 4,9%. Tài sản thế chấp là 02 chiếc xe ép rác biển số 51C-789.09 và 51C-787.82, tổng giá trị tài sản thế chấp là: 6.023.000.000 đồng.

Vay dài hạn từ Quỹ Bảo vệ Môi Trường theo Hợp đồng tín dụng số 05-2017/HĐTD-QBVMT ngày 14 tháng 9 năm 2017 với số tiền vay 2.700.000.000 đồng, mục đích vay là thực hiện dự án: "Đầu tư mua sắm 02 xe quét hút". Thời hạn vay là 5 năm. Lãi suất trong hạn là 4,9%. Tài sản thế chấp là 02 chiếc xe quét hút biển số 51E-041.45 và 51E-041.52, tổng giá trị tài sản thế chấp là: 4.172.000.000 đồng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư 01/01/2017	30.013.180.504	-	-	-	5.603.414.632	35.616.595.136
Tăng vốn năm trước						-
Giảm vốn năm trước						-
Trích quỹ đầu tư phát triển						-
Lãi trong năm trước					8.124.618.179	8.124.618.179
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					(12.374.274.632)	(12.374.274.632)
Trích quỹ đầu tư phát triển				1.353.758.179	(1.353.758.179)	
Số dư 01/01/2018	30.013.180.504	-	-	1.353.758.179	-	31.366.938.683
Tăng vốn năm nay						-
Giảm vốn năm nay						-
Lãi trong năm					10.291.998.763	10.291.998.763
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và ban điều hành						-
Trích quỹ đầu tư phát triển						-
Số dư 31/12/2018	30.013.180.504	-		1.353.758.179	10.291.998.763	41.658.937.446

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2018	01/01/2018
Vốn của nhà nước	30.013.180.504	30.013.180.504
Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn đầu năm	30.013.180.504	30.013.180.504
+ Vốn tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn cuối năm	30.013.180.504	30.013.180.504
d. Quỹ đầu tư phát triển	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	1.353.758.179	-
Tăng trong năm	-	1.353.758.179
Giảm để tăng vốn điều lệ	-	-
- Số dư cuối năm	1.353.758.179	1.353.758.179
22. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
a. Nguồn kinh phí	31/12/2018	01/01/2018
Nguồn kinh phí sửa chữa nhà	707.419.782	707.419.782
Nguồn kinh phí bán nhà	20.481.786	20.481.786
Tổng cộng	727.901.568	727.901.568
b. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	3.371.534.693	3.516.603.199
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	526.859.579	(145.068.506)
- Số dư cuối năm	2.844.675.114	3.371.534.693

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	142.288.990.370	145.164.485.678
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động vệ sinh đô thị	38.836.108.681	29.555.768.664
Doanh thu hoạt động vận chuyển rác	28.161.655.790	25.205.311.294
Doanh thu hoạt động duy tu	65.629.363.297	62.646.863.413
Doanh thu hoạt động sửa chữa, xây dựng	3.720.238.409	21.549.498.552
Doanh thu hoạt động cho thuê nhà, SHNN, CC	2.699.238.914	2.903.555.815
Doanh thu hoạt động cho thuê tài sản	2.127.272.733	-
Doanh thu hoạt động nhà tang lễ	391.777.276	388.513.638
Doanh thu hoạt động thiết kế	326.129.815	204.883.389
Doanh thu hoạt động khác	397.205.455	2.710.090.913
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	142.288.990.370	145.164.485.678
02. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hoá và dịch vụ đã cung cấp	119.877.818.709	125.324.705.525
Tổng cộng	119.877.818.709	125.324.705.525
03. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	903.177.635	987.400.250
Tổng cộng	903.177.635	987.400.250
04. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	988.852.785	629.845.654
Tổng cộng	988.852.785	629.845.654
05. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.002.605.779	7.992.946.226
Chi phí đồ dùng văn phòng	146.685.290	509.395.373
Chi phí khấu hao tài sản cố định	918.280.164	860.791.629
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.139.745.636	1.151.464.599
Chi phí bằng tiền khác	2.474.460.230	525.318.121
Tổng cộng	11.684.777.099	11.042.915.948

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Năm nay	Năm trước
06. Thu nhập khác		
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	114.090.909
Hoàn nhập dự phòng	-	421.063.593
Các khoản thu nhập khác	2.530.625.118	554.418.188
Tổng cộng	2.530.625.118	1.089.572.690
07. Chi phí khác		
Tiền phạt thuế	-	34.496.225
Chi phí khác	59.055.190	45.098.486
Tổng cộng	59.055.190	79.594.711
08. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.115.289.340	10.164.396.780
Cộng các khoản chi phí không được trừ	59.055.190	34.496.225
Thu nhập tính thuế	13.174.344.530	10.198.893.005
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập tính thuế 20%</i>	<i>13.174.344.530</i>	<i>10.198.893.005</i>
<i>Thu nhập tính thuế 22%</i>	-	-
<i>Không tính thuế</i>	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành 20%	2.634.868.906	2.039.778.601
Chi phí thuế TNDN hiện hành 22%	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.634.868.906	2.039.778.602

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm nay	Năm trước
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	17.698.264.389	16.965.794.328
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	23.040.366.047	11.536.152.630

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.100.267.326	-	37.816.234.562	-
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	19.781.049.550	(2.533.793.671)	24.801.010.622	(2.533.793.671)
Tổng cộng	84.881.316.876	(2.533.793.671)	62.617.245.184	(2.533.793.671)
Công nợ tài chính			31/12/2018	01/01/2018
Phải trả người bán, phải trả khác			21.687.168.026	20.386.210.912
Chi phí phải trả ngắn hạn			16.256.377	-
Các khoản vay			10.017.112.700	15.359.214.358
Tổng cộng			31.720.537.103	35.745.425.270

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Công ty là không có vì Công ty không sử dụng tiền bằng ngoại tệ.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Công ty không có rủi ro về giá (rủi ro cổ phiếu)

b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và công cụ tài chính khác).

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, nguồn vốn mà chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.100.267.326		65.100.267.326
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	19.699.433.092	81.616.458	19.781.049.550
Tổng cộng	84.799.700.418	81.616.458	84.881.316.876
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	20.417.051.568	1.270.116.458	21.687.168.026
Chi phí phải trả ngắn hạn	16.256.377		16.256.377
Các khoản vay	6.821.474.700	3.195.638.000	10.017.112.700
Tổng cộng	27.254.782.645	4.465.754.458	31.720.537.103
Chênh lệch thanh khoản thuần	57.544.917.773	(4.384.138.000)	53.160.779.773

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2018

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.816.234.562		37.816.234.562
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	24.719.394.164	81.616.458	24.801.010.622
Tổng cộng	62.535.628.726	81.616.458	62.617.245.184
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	17.843.594.454	2.542.616.458	20.386.210.912
Các khoản vay	10.106.404.358	5.252.810.000	15.359.214.358
Tổng cộng	27.949.998.812	7.795.426.458	35.745.425.270
Chênh lệch thanh khoản thuần	34.585.629.914	(7.713.810.000)	26.871.819.914

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. Giao dịch với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Ban Giám đốc	3.411.793.665	2.927.209.781

3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

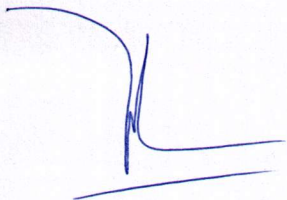
Ngày 28/12/2018 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hàng Quyết định số 6213/QĐ-UBND về kế hoạch cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND TPHCM giai đoạn 2018-2010. Thực hiện theo Quyết định này, Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định về cổ phần hóa trong năm 2019.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Huỳnh Mỹ Phương

Lê Thành Tín

Võ Quang Sơn

